TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 378/2020/QĐST-DS	*Thủ Đức, ngày 30 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2020, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 189/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C
Trụ sở: Số A đường B, phường C, Quận D, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Đào Phương V, sinh năm 1983 (theo Văn bản ủy quyền số 223/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 10/3/2020);

Bị đơn:

1/ Ông Lý Bỉnh L, sinh năm 1976
2/ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1982
Cùng địa chỉ: Số A đường số B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Như V, sinh năm 1951
2/ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1956
3/ Ông Nguyễn Như L, sinh năm 1974
4/ Bà Châu Ngọc C, sinh năm 1981
5/ Đại diện của trẻ Nguyễn Như K, sinh năm 2009, trẻ Nguyễn Châu Hà M, sinh năm 2017 và trẻ Nguyễn Như K, sinh năm 2020 có người đại diện theo pháp luật là bà Châu Ngọc C và ông Nguyễn Như L;

Cùng địa chỉ: A đường B khu phố C, phường D, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ngân hàng thương mại cổ phần C và ông Lý Bỉnh L với bà Nguyễn Thị S thống nhất số tiền mà ông L và bà S còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần C tổng cộng cả lãi và gốc tính đến ngày 24/9/2020 còn nợ là: 2.180.445.770 đồng (Hai tỷ, một trăm tám mươi triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm bảy mươi) đồng, (bao gồm gốc: 1.883.865.080 đồng, lãi: 296.580.690 đồng) thống nhất phương thức thanh toán như sau:

- Ngày 31/12/2020, bị đơn ông Lý Bỉnh L và bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP C số tiền: 770.000.000 đồng;

- Đến hạn thanh toán ngày 31/12/2020 phía bị đơn ông L và bà S thanh toán đủ số tiền trên thì nguyên đơn sẽ tiếp tục duy trì khoản vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký, các tháng tiếp theo từ tháng 01 năm 2021 bị đơn ông L và bà S có trách nhiệm thanh toán tiền gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp ông L và bà S không thực hiện đúng thỏa thuận như trên thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành phát mãi tài sản đảm bảo nợ vay theo hợp đồng thế chấp số: 15.041/HĐTC ngày 14/04/2015 và 16.213/VBSĐ-BS ngày 21/07/2016 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Trường hợp phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thu hồi nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành phát mãi tài sản khác của ông Lý Bỉnh L và bà Nguyễn Thị S để thu hồi nợ.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 17.400.000 (Mười bảy triệu, bốn trăm nghìn) đồng, ông Lý Bỉnh L và bà Nguyễn Thị S tự nguyện chịu. Hoàn tiền tạm ứng án phí 37.902.016 (Ba mươi bảy triệu, chín trăm linh hai nghìn, không trăm mười sáu) đồng cho Ngân hàng TMCP C theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0015076 nộp ngày 12/11/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS nhân dân Quận Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA DS Q.Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Đinh Khắc Hưng

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).